TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VĨNH LONG** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 27-10-2017
V/v tranh chấp: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Quan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lệ Hoa.

Bà Võ Thị Mỹ Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Yến Nhi - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 308/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Lê Mỹ L; Nơi cư trú: Số nhà 1L ấp Tân Quới Đông, xã Trường An, thành phố Vĩnh Long; có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Huỳnh Minh T; Nơi cư trú: Số nhà 1L ấp Tân Quới Đông, xã Trường An, thành phố Vĩnh Long; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27/7/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Lê Mỹ L trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị L và anh Huỳnh Minh T tự tìm hiểu khoảng một năm tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trường An, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long ngày 25/6/2008. Sau khi kết hôn, chị L và anh T sống chung với gia đình cha mẹ của chị L tại nhà số 1E ấp Tân Quới Đông, xã Trường An, thành phố Vĩnh Long. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T cờ bạc, gây nợ nần và có quan hệ với người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn. Mâu thuẫn giữa chị L và anh T đã được gia đình hai bên hòa giải rất nhiều lần nhưng không hàn gắn được. Chị L và anh T đã sống ly thân từ tháng 6/2017 cho đến nay, chị L xác định không còn tình cảm gì với anh T. Vì vậy, chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Huỳnh Minh T.

2. Về con chung: Chị L và anh T có 02 người con chung, tên Huỳnh Bảo L, sinh ngày 05/9/2011 và Huỳnh Nguyễn Bảo T, sinh ngày 06/5/2017; hiện hai cháu đang sống chung với chị L, do chị L nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Lê Mỹ L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Lê Mỹ L khai không có.

Bị đơn Huỳnh Minh T được Tòa án thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng anh T vẫn không có văn bản trình bày ý kiến, không đến Tòa án theo giấy triệu tập.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Lê Mỹ L vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với bị đơn anh Huỳnh Minh T, chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; bị đơn Huỳnh Minh T vắng mặt tại phiên tòa.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện và tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Lê Mỹ L, chị L được quyền ly hôn với anh T. Về con chung: Giao hai cháu Huỳnh Bảo L, sinh ngày 05/9/2011 và Huỳnh Nguyễn Bảo T, sinh ngày 06/5/2017 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng; anh T không cấp dưỡng nuôi con. Về án phí: Chị L chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn Huỳnh Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn Huỳnh Minh T.

[2] Về hôn nhân:

Chị Nguyễn Lê Mỹ L và anh Huỳnh Minh T kết hôn trên cơ sở tự nguyên và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Trường An, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long ngày 25/6/2008. Do đó, quan hệ hôn nhân của chị L và anh T là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng về sau cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn chị L và anh T đã sống ly thân từ tháng 6/2017 cho đến nay.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị L và anh T đã đến mức mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng không còn thương yêu, chung thủy, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, nên yêu cầu ly hôn của chị L là có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị L ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về yêu cầu nuôi con chung của chị L. Xét thấy, chị L và anh T có 02 người con chung tên Huỳnh Bảo L, sinh ngày 05/9/2011 và Huỳnh Nguyễn Bảo T, sinh ngày 06/5/2017. Khi ly hôn, chị L có yêu cầu được tiếp tục nuôi Bảo L và Bảo T, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung chưa thành niên là cháu Bảo L và Bảo T, trong đó cháu Bảo T chưa tròn sáu tháng tuổi. Bên cạnh đó, chị L và anh T ly thân từ tháng 6/2017 cho đến nay, trong thời gian đó hai cháu Bảo L và Bảo T sống với chị L, cuộc sống của hai cháu đang ổn định, Do đó, việc giao cháu Bảo L và Bảo T cho chị L được tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, nên nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con không đặt ra để giải quyết.

[5] Về chia tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị L khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn Nguyễn Lê Mỹ L chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn.

[8] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 273, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Lê Mỹ L và anh Huỳnh Minh T.

2. Về nuôi con chung: Giao hai cháu Huỳnh Bảo L, sinh ngày 05/9/2011 và Huỳnh Nguyễn Bảo T, sinh ngày 06/5/2017 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh T được quyền tới lui thăm nom con, không ai được quyền ngăn cản nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung.

3. Về chia tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị L khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Lê Mỹ L chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0002854 ngày 11/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long; chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để xin Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án để xin Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát TPVL;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Chi cục THADS TPVL:
- Lưu hồ sơ; VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Hồng Quan